

Số: 353/BC-UBND

Kiên Giang, ngày 28 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả 02 năm thực hiện Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và
Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

Thực hiện Công văn số 3926/BNN-TCTS ngày 25/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Báo cáo kết quả 02 năm thực hiện Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện, như sau:

Phần I

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2019/NĐ-CP

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo thực hiện

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, UBND tỉnh Kiên Giang đã ban hành các văn bản chỉ đạo cho các sở, ngành, địa phương, cụ thể:

- Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 về việc phân cấp quản lý tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 446/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 về việc phân cấp quản lý tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Công văn số 833/UBND-KTCN ngày 01/7/2019 về việc tổ chức triển khai thực hiện Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 về việc công bố hạn ngạch Giấy phép khai thác thủy sản vùng ven bờ và vùng lồng tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 về việc ban hành quy trình xử lý tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác thủy sản và các hành vi vi phạm khác phát hiện qua hệ thống giám sát hành trình trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Công văn số 660/UBND-KTCN ngày 14/5/2020 về việc khẩn trương thực hiện một số nhiệm vụ cấp bách về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (khai thác IUU).

- Quyết định số 1175/QĐ-UBND ngày 15/5/2020 về việc phê duyệt Dự án điều tra, khảo sát đa dạng sinh học và đề xuất điều chỉnh phạm vi, diện tích các phân khu trong Khu Bảo tồn biển Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 13/8/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh phạm vi, diện tích các phân khu trong Khu Bảo tồn biển Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030.



- Quyết định số 1651/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 về việc phê duyệt Dự án điều tra các nghề khai thác vùng biển ven bờ và vùng lòng biển Kiên Giang, đề xuất sắp xếp lại cơ cấu nghề khai thác thủy sản tỉnh Kiên Giang.

- Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 15/4/2021 của UBND tỉnh về ban hành quy định tiêu chí đặc thù về đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên địa bàn tỉnh Kiên Giang...

- Xây dựng Kế hoạch số 125/KH-BCĐ KG-CM ngày 04/8/2020, về việc phối hợp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định giữa 02 tỉnh Kiên Giang và Cà Mau.

- Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 06/8/2020 thực hiện Nghị quyết số 34-NQ/TU ngày 13/7/2020 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về việc tăng cường các giải pháp quản lý ngăn chặn, chấm dứt tàu cá và ngư dân trong tỉnh vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản trái pháp luật.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn

- Thành lập Tổ Thông tin, tuyên truyền của tỉnh; các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố ven biển, đảo đã tổ chức nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng; triển khai 100% tàu cá được cấp phép khai thác thủy sản viết cam kết không vi phạm vùng biển nước ngoài...

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT: thành lập Đoàn công tác phối hợp với các ngành, đơn vị và các địa phương liên quan tổ chức làm việc trực tiếp với 984 chủ tàu, ngư dân để tuyên truyền các quy định của Luật Thủy sản năm 2017, tập trung việc lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá; xác nhận, chứng nhận thủy sản khai thác, phổ biến các quy định mới của Luật Thủy sản, các văn bản hướng dẫn thi hành, quy định về chống khai thác IUU không vi phạm khai thác hải sản vùng biển nước ngoài. Phối hợp với Tổng cục Thủy sản tổ chức 02 lớp tuyên truyền về Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành, các quy định về chống khai thác IUU tại thành phố Rạch Giá cho hơn 130 lượt người tham dự; phối hợp với Viện Công nghệ khai thác - Trường Đại học Nha Trang tổ chức 04 lớp đào tạo cấp chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng và thợ máy tàu cá...

3. Kết quả triển khai các quy định của Nghị định

3.1. Lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

a) Đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản

Chỉ đạo các địa phương triển khai xây dựng mô hình đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản và cho tổ chức cộng đồng theo quy định tại Điều 10 Luật Thủy sản, Điều 5 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ.

b) Quản lý loài nguy cấp, quý hiếm

Tổ chức tuyên truyền cho ngư dân, các chủ cơ sở thu mua, chế biến thủy sản nội dung danh mục các loài nguy cấp, quý hiếm nhóm I và nhóm II theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP để người dân nắm bắt và không khai thác, thu mua các loài thủy sản trong danh mục. Chỉ đạo các đơn vị phối hợp với các cơ quan chức năng thanh tra, kiểm tra nhằm ngăn chặn xử lý việc thu mua, buôn bán các loài thuộc danh mục nguy cấp, quý hiếm.

c) Quản lý Khu Bảo tồn biển, Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản

- Thực hiện Dự án điều tra, khảo sát hiện trạng đa dạng sinh học và đề xuất điều chỉnh phạm vi, diện tích các phân khu chức năng trong Khu Bảo tồn biển Phú Quốc và ban hành Quyết định phê duyệt điều chỉnh phạm vi, diện tích các phân khu trong Khu Bảo tồn biển Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Thực hiện Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong Khu Bảo tồn biển và Dự án lắp đặt, thả phao đánh dấu ranh giới Khu Bảo tồn biển, ranh giới các phân khu chức năng và lắp đặt phao cho tàu du lịch buộc neo.

- Định hướng nội dung phối hợp với Tổ chức WWF trong việc thực hiện các hoạt động có liên quan đến công tác bảo tồn biển.

- Công tác bảo tồn đa dạng sinh học trong Khu Bảo tồn biển: thực hiện thu mẫu nước của kế hoạch quan trắc chất lượng môi trường nước và đa dạng sinh học trong khu bảo tồn biển theo định kỳ hàng năm. Phối hợp với Viện Hải Dương học và ngư dân thực hiện chương trình giám sát đa dạng sinh học san hô, cỏ biển năm 2020 trong Khu Bảo tồn biển (thực hiện định kỳ hàng năm). Phối hợp với Viện Nghiên cứu Hải sản thực hiện trồng phục hồi được hơn 600 tập đoàn san hô, trong đó có 480 tập đoàn được trồng trên giá thể bằng đinh thép, số còn lại được trồng trên nền đáy tự nhiên. Phối hợp với Trường Đại học Kiên Giang thả 300 con cá ngựa giống về vùng biển tự nhiên trong phân Khu Bảo tồn bảo vệ nghiêm ngặt khu bảo tồn thảm cỏ biển...

3.2. Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản

a) Tình hình cấp phép nuôi trồng thủy sản (NTTS) trên biển

Việc cấp phép NTTS trên biển thực hiện theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản. Cấp 25 giấy phép NTTS trên biển cho 03 tổ chức và 22 cá nhân theo quy định.

b) Tình hình cấp Giấy xác nhận đăng ký nuôi đối tượng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản chủ lực

Đã cấp 353 Giấy xác nhận đăng ký nuôi đối tượng thủy sản chủ lực và 02 Giấy xác nhận nuôi thủy sản lồng bè cho 02 doanh nghiệp nuôi cá lồng bè trên biển (là những trường hợp được giao khu vực biển để NTTS theo Luật Thủy sản năm 2003). Đối với các trường hợp đăng ký mới sau này chưa thực hiện được, do vướng mắc về quyết định giao khu vực biển để NTTS (Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ chỉ mới có hiệu lực gần đây).

c) Chứng nhận giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản

Tiếp nhận và cấp 98 hồ sơ đủ điều kiện; trong đó, 94 hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản và 04 hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản.

3.3. Lĩnh vực khai thác thủy sản

a) Công tác cấp giấy phép khai thác thủy sản

- Về cấp phép khai thác theo hạn ngạch: đến hết năm 2020 đã thực hiện cấp: 3.412/3.992 giấy phép cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên hoạt động

tại vùng khơi, chiếm 85,4%; 670/1.507 giấy phép cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động tại vùng lộng, chiếm 44,46%; 707/4.424 giấy phép cho tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét hoạt động tại vùng biển ven bờ, chiếm 16% (đây là nhóm tàu cá do cấp huyện quản lý). 6 tháng đầu năm 2021, tổng số giấy phép được cấp cho tàu từ 15m trở lên là 427 chiếc, từ 12 đến 15m là 336 chiếc.

- Tính đến nay, đã tiến hành cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản theo hạn ngạch cho 3.789 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên.

b) Công tác đăng ký, đăng kiểm tàu cá

- Về đăng ký tàu cá: tính đến tháng 6/2021 toàn tỉnh có 9.890 tàu cá (có 461 tàu dịch vụ hậu cần) đã được đăng ký; trong đó: có 4.374 tàu có chiều dài lớn nhất từ 6m đến dưới 12m; 1.531 tàu từ 12m đến dưới 15m; 3.364 tàu từ 15m đến dưới 24m và 621 tàu từ 24m trở lên.

- Về công tác đăng kiểm:

+ Thành lập Trung tâm Đăng kiểm tàu cá loại I trong năm 2020, trực thuộc Chi cục Thủy sản— Sở Nông nghiệp và PTNT đủ điều kiện đăng kiểm cho cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên, tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân hoạt động khai thác.

+ Trong năm 2020 đã thực hiện đăng kiểm và cấp giấy chứng nhận và an toàn kỹ thuật tàu cá cho 2.282 lượt tàu; trong đó kiểm tra hàng năm 2.149 chiếc, sửa chữa cải hoán 111 chiếc, đóng mới 22 chiếc; ký hợp đồng giám sát sửa chữa cải hoán tàu cá với 107 chủ tàu. 03 tháng đầu năm 2021 tiến hành đăng kiểm và cấp giấy chứng nhận và an toàn kỹ thuật tàu cá cho 1.084 lượt tàu; trong đó kiểm tra hàng năm 1.051 chiếc, sửa chữa cải hoán 32 chiếc, đóng mới 01 chiếc; Ký hợp đồng giám sát sửa chữa cải hoán tàu cá với 26 chủ tàu.

c) Công nhận cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá

Toàn tỉnh có 07 cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá đủ điều kiện đóng mới tàu cá theo quy định của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (trong đó có 01 cơ sở đóng tàu vỏ thép và 01 cơ sở đóng tàu vỏ composite).

d) Quản lý hệ thống giám sát tàu cá

Theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý hệ thống giám sát tàu cá.

- Qua kết rà soát đến tháng 6/2021, toàn tỉnh có 3.985 tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên, trong đó: 3.620/3.651 tàu cá đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình, đạt 99% so với tổng số tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên của tỉnh thuộc diện phải lắp thiết bị. Trong đó: tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24m trở lên là 595/603 tàu, đạt 99%; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 đến dưới 24m là 3.025/3.048 tàu, đạt 99%. Số tàu còn lại chưa lắp thiết bị là 31 tàu, chiếm 01%.

- Trục quản lý hệ thống giám sát tàu cá 24/24 giờ nhằm phát hiện kịp thời nhắc nhở các tàu cá vượt ranh giới cho phép trên biển hoặc thiết bị giám sát hành trình mất kết nối với hệ thống; đồng thời thông báo cho lực lượng chức năng để ngăn chặn, xử lý. Qua theo dõi trên hệ thống giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản, trong năm 2020 và 05 tháng đầu năm 2021 đã thực hiện được kết quả như sau:

- *Đối với tàu cá vượt ranh giới trên biển:* năm 2020 đã thực hiện 1.405 cuộc gọi đề nghị 1.405 chủ tàu, thuyền trưởng đưa tàu quay về vùng biển Việt Nam (đã có 1.375 tàu quay về), phát hành 28 văn bản cảnh báo cho 30 lượt tàu vượt ranh giới trên biển (28 tàu, có 01 tàu phát cảnh báo lần 2); đồng thời thực hiện 827 cuộc gọi cung cấp thông tin cho các lực lượng chức năng phối hợp điều tra, xác minh, xử lý theo quy định.

Trong 05 tháng đầu năm 2021, phát hành 03 văn bản/03 tàu vượt ranh giới trên biển, thực hiện 265 cuộc gọi đề nghị 208 chủ tàu, thuyền trưởng đưa tàu quay về vùng biển Việt Nam (đã có 205 tàu quay về); thực hiện 261 cuộc gọi cung cấp thông tin cho các lực lượng chức năng phối hợp điều tra, xác minh, xử lý theo quy định.

- *Đối với tàu cá mất kết nối trên biển:* năm 2020 đã thực hiện 10.024 cuộc gọi đối với 1.880 lượt tàu cá mất kết nối trên biển, theo đó đã có 1.249 tàu cá bật lại thiết bị VMS kết nối với hệ thống giám sát tàu cá; phát hành 136 thông báo với 631 lượt tàu cá (504 tàu) mất kết nối trên biển trên 10 ngày.

Trong 05 tháng đầu năm 2021, phát hành 60 thông báo/269 lượt tàu cá (222 tàu) mất kết nối trên biển trên 10 ngày, thực hiện 5.826 cuộc gọi đề nghị chủ tàu, thuyền trưởng bật thiết bị giám sát hành trình tàu cá khi hoạt động trên biển với 1.519 tàu, theo đó đã có 1.297 tàu bật lại thiết bị kết nối với hệ thống giám sát.

3.4. Công tác quản lý cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão

- Về cảng cá tỉnh có 05 cảng cá lớn gồm: cảng cá Tắc Cậu, cảng cá An Thới, cảng cá Xẻo Nhàu, cảng cá Nam Du và cảng cá Thổ Châu, trong đó có 02 cảng cá Tắc Cậu và An Thới được Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố cảng cá chỉ định có đủ hệ thống xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu.

- Về khu neo đậu tránh trú bão: tỉnh có 01 khu neo đậu cấp vùng (Khu neo đậu đảo Hòn Tre- huyện Kiên Hải) và 01 khu neo đậu cấp tỉnh (Khu neo đậu Lình Huỳnh- huyện Hòn Đất) được Bộ Nông nghiệp và PTNT công bố. Ngoài ra, tỉnh còn có hơn 10 khu neo đậu cho tàu thuyền tránh trú bão vùng ven biển, ven đảo.

3.5. Lĩnh vực Kiểm ngư

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở ngành có liên quan xây dựng Đề án thành lập tổ chức Kiểm ngư địa phương.

Hiện nay, việc thanh tra, kiểm tra, kiểm soát trên biển do lực lượng Thanh tra chuyên ngành, Phòng Thanh tra pháp chế - Chi cục Thủy sản, thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện.

3.6. Về mua bán, sơ chế, chế biến, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản

Về hoạt động chế biến, xuất khẩu thủy sản: toàn tỉnh có khoảng hơn 200 doanh nghiệp sơ chế, chế biến thủy sản, trong đó có hơn 20 doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thủy sản quy mô lớn, được cấp mã (mã Code) đủ điều kiện xuất khẩu thủy sản sang các nước trên thế giới. Qua hoạt động khai thác và xuất khẩu thủy sản đã tạo nhiều công ăn, việc làm cho nhiều lao động phổ thông của tỉnh,



góp phần phát triển kinh tế, ổn định đời sống xã hội. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản năm 2020 đạt gần 500 triệu đôla.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện

- Số lượng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét hoạt động tại vùng biển ven bờ chưa thực hiện cấp phép khai thác, đánh dấu tàu cá chiếm số lượng đến 84%.

- Theo quy định của Luật Thủy sản năm 2017 và Nghị định số 26/2019/NĐ-CP đã chuyển từ quản lý tàu cá theo công suất sang quản lý theo chiều dài và phân vùng hoạt động khai thác thủy sản đối với tàu cá theo hướng tàu cá ở vùng nào chỉ được phép hoạt động ở vùng đó (tương ứng với chiều dài tàu). Theo quy định này, thì hiện nay đã làm tăng áp lực khai thác tại vùng biển ven bờ, không đảm bảo được nhiệm vụ, chỉ tiêu của Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp là đẩy mạnh khai thác xa bờ, giảm áp lực khai thác ven bờ (vùng biển ven bờ tăng gần gấp đôi số lượng tàu cá khi thực hiện quy định mới).

- Theo Điều 52 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện cơ sở đóng mới, cải hoán tàu cá vỏ gỗ có bộ phận giám sát, quản lý chất lượng và đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật tối thiểu theo quy định tại mục 5, phụ lục VI (ban hành theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP); theo đó, phải có mỗi chuyên ngành 02 người (đối với cơ sở loại I): tốt nghiệp đại học chuyên ngành: vỏ tàu thủy, khai thác tàu thủy, máy tàu thủy, điện tàu thủy hoặc điện lạnh, quy định này là rất khó cho các cơ sở đóng tàu vỏ gỗ trong thời điểm hiện tại.

- Cơ sở hạ tầng, dịch vụ hậu cần và cơ khí đóng, sửa tàu thuyền còn hạn chế, lạc hậu; dịch vụ hậu cần tại cảng cá còn thiếu về cơ sở vật chất và công nghệ: cảng cá chưa có kho bảo ôn (nhà lùa có hệ thống bảo ôn), nên việc bảo quản hàng hoá sau thu hoạch tại cảng chưa chủ động, chưa tốt và là một trong những nguyên nhân làm giảm chất lượng sản phẩm hải sản; chưa có chợ cá phục vụ công tác đấu giá hàng thủy sản qua cảng...

- Phần mềm hệ thống giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản vẫn còn một số hạn chế nhất định, gây khó khăn vướng mắc trong công tác quản lý các hoạt động trên biển như sau:

- + Tình trạng tàu cá vượt ranh giới trên biển mà hệ thống không cảnh báo, dạng nhiều tín hiệu thiết bị của tàu cá có cùng một vị trí ngoài khơi, trong bờ thời gian dài chủ tàu, thuyền trưởng tháo thiết bị để trên mái nhà, kho, xưởng, trên phao, trên bè cá.... tránh sự theo dõi của hệ thống giám sát, cho tàu đi khai thác vùng biển nước ngoài.

- + Tình trạng nhiều tàu cá có hành trình giống nhau, chủ tàu hoặc thuyền trưởng đã tháo thiết bị để trên con tàu khác một tàu có thể chở nhiều thiết bị khai thác, hoặc dạng tắt, mở liên hoàn.

- Phần mềm của các đơn vị cung cấp thiết bị chưa tích hợp đồng bộ với phần mềm chung của Tổng cục Thủy sản về: vị trí tọa độ các đường ranh giới trên biển, phạm vi vị trí của các vùng khai thác, tín hiệu vị trí tàu cá....nhiều

trường hợp xảy ra tranh cãi về việc có hay không tàu cá vượt ranh giới trên biển, mất kết nối hay không mất kết nối, gây hiểu nhầm.

- Nhiều tàu cá khai thác trong vùng cấm hàng ngày với số lượng rất lớn, hệ thống giám sát Tổng cục Thủy sản chưa hỗ trợ một số tính năng như phát hiện, thông kê, báo cáo trong trường hợp này.

- Về công tác cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi đối tượng chủ lực:

Trong thời gian qua, tỷ lệ người dân thực hiện thủ tục đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi còn quá thấp (chỉ mới đủ điều kiện cấp được 353 cơ sở, trong tổng số khoảng 60.000 cơ sở thuộc diện phải đăng ký, chiếm 0,59%) đã gây khó khăn nhất định đối với khâu tiêu thụ sản phẩm, nguyên nhân:

- + Do đặc thù của tỉnh Kiên Giang có diện tích nuôi tôm- lúa lớn nhất cả nước (100.486 ha) và chiếm gần 80% tổng diện tích nuôi tôm toàn tỉnh. Tại những vùng này, hầu hết người dân được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích sản xuất nông nghiệp (trồng lúa); mặc dù đã tham gia sản xuất loại hình tôm- lúa ổn định trong thời gian dài và vị trí nuôi thuộc vùng phát triển thủy sản, kế hoạch sản xuất tôm- lúa của tỉnh và địa phương, nhưng các hộ dân vẫn chưa thể được xem xét cấp mã số cơ sở nuôi do không đúng quy định.

- + Nhiều người dân ít quan tâm đến việc đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi, do nhận thức chưa đúng tầm quan trọng của công việc này; ngoài ra, đa số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người dân đang thế chấp tại Ngân hàng nên cũng không thể thực hiện được theo quy định.

- Về công tác cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè: Tại Kiên Giang, nghề nuôi cá lồng bè trên biển ven đảo được hình thành từ khá lâu; các hộ dân chủ yếu nuôi theo hình thức tự phát, chưa được Nhà nước giao khu vực biển theo Luật Thủy sản năm 2017. Trong khi đó, quy định được cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè phải được giao khu vực biển để NTTS. Vì vậy, đến nay việc cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè cho các hộ dân còn rất hạn chế.

2. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc

a) Nguyên nhân khách quan:

- Luật Thủy sản năm 2003 quản lý tàu cá theo công suất; nay Luật Thủy sản năm 2017 và Nghị định số 26/0219/NĐ-CP quy định quản lý tàu cá theo chiều dài nên còn nhiều vướng mắc.

- Chưa có sự kết nối chặt chẽ giữa các khâu trong chuỗi sản xuất thủy sản từ khâu khai thác đến phân phối, tiêu thụ (thị trường tiêu thụ).

- Quy định về quy trình lắp đặt, tháo gỡ thiết bị chưa được chặt chẽ nhất là quy định về niêm phong thiết bị chưa đảm bảo về mặt thời gian sử dụng và mỗi thiết bị tương ứng với dây niêm phong, một mã seri nên nhiều chủ tàu, thuyền trưởng tự ý tháo thiết bị để đưa tàu vi phạm vùng biển nước ngoài khai thác hải sản; đồng thời, với mức phạt tiền từ 3- 5 triệu đồng đối với hành vi tháo gỡ thiết bị theo quy định như hiện nay là chưa đủ sức răn đe.

- Một số quy định trong các văn bản pháp luật chưa sát tình hình thực tế hoặc thiếu đồng bộ nên khi triển khai người dân khó thực hiện.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Về số lượng tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 06 mét đến dưới 12 mét chưa thực hiện cấp phép khai thác chiếm 84% có một số nguyên nhân sau: công chức phụ trách thủy sản ở cấp huyện thường làm việc kiêm nhiệm, việc tổ chức quản lý tàu cá còn hạn chế; lực lượng cán bộ tham mưu của đơn vị quản lý trong thời gian qua còn thiếu. Đa số các chủ tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét là các hộ nghèo sinh sống tại các vùng biển ven bờ, ven đảo sống chủ yếu bằng nghề khai thác thủy sản thường hoạt động khai thác không trình báo các lực lượng chức năng nên không chú trọng việc đăng ký, cấp phép khai thác cho tàu cá.

- Công tác xử lý vi phạm hành chính của các cơ quan chức năng đối với tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép, tàu cá vi phạm quy định về quản lý, sử dụng thiết bị giám sát hành trình tàu cá chưa được thực hiện triệt để, đến nơi, đến chốn.

- Tinh thần trách nhiệm của một số bộ phận, cán bộ có liên quan trong thực thi nhiệm vụ chống khai thác IUU còn chưa cao, tránh né, đùn đẩy trách nhiệm.

- Một số địa phương chưa thể hiện quyết liệt vai trò trong công tác quản lý, giám sát tàu cá hoạt động khai thác thủy sản đúng theo quy định trên địa bàn quản lý; chưa thường xuyên tuyên truyền, giáo dục ngư dân trên địa bàn quản lý nhận thức đầy đủ về chống khai thác IUU.

- Ý thức chấp hành pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh con giống, thức ăn và sản phẩm xử lý môi trường NTTS của một số đối tượng chưa cao hoặc cố tình vi phạm, thậm chí một số đối tượng tìm mọi thủ đoạn để trốn tránh lực lượng chức năng.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Tổng cục Thủy sản nâng cấp, bổ sung thêm một số tính năng của phần mềm hệ thống giám sát để hoàn thiện, đảm bảo cho công tác theo dõi, xử lý tàu cá vi phạm qua hệ thống thiết bị giám sát hành trình. Chia sẻ phần mềm hệ thống giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản với Trung tâm phối hợp tìm kiếm cứu nạn hàng hải Việt Nam/ khu vực để phối hợp cứu hộ cứu nạn khi cần thiết.

- Hoàn thiện số hóa việc phân vùng khai thác thủy sản, khu vực cấm khai thác có thời hạn, khu vực neo đậu tàu thuyền, khu vực các cảng cá, các trạm kiểm soát Biên phòng, đường bờ, vùng lộng, vùng bờ,... của mỗi tỉnh và ranh giới vùng biển với các nước trong khu vực; sau đó tích hợp tất cả vào phần mềm hệ thống giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản.

- Quy định phân cấp cho UBND cấp huyện thực hiện việc cấp Giấy xác nhận đăng ký đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (không bao gồm đối tượng thủy sản lồng bè). Lồng ghép việc xác nhận nuôi thủy sản lồng bè (trong thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực) vào thủ tục cấp Giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển.

- Quy định hoặc hướng dẫn cụ thể quy trình lắp đặt, sửa chữa bảo hành, bảo trì thiết bị VMS, trong đó quy định cụ thể về dây niêm phong thiết bị về thời gian sử dụng, mã số seri, cách thức thay thế khi hết thời gian sử dụng (mỗi thiết

bị chỉ sử dụng 01 dây niêm phong); vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan đối với từng công đoạn cụ thể.

- Xem xét sửa đổi, bổ sung thủ tục xác nhận nuôi đối tượng chủ lực, do đa số hộ nuôi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất mục đích sản xuất sản xuất nông nghiệp hoặc trồng cây lâu năm nên khó khăn trong việc xác nhận nuôi đối tượng chủ lực mặc dù hộ đăng ký thuộc vùng nuôi thủy sản của địa phương.

- Quy định thu phí đối với các thủ tục hành chính theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP (Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản; cấp giấy xác nhận nuôi thủy sản lồng bè và đối tượng nuôi thủy sản chủ lực; cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển).

- Chính phủ có chính sách hỗ trợ phí sử dụng dịch vụ vệ tinh cho các chủ tàu cá thuộc diện phải lắp thiết bị giám sát hành trình trong điều kiện khó khăn hiện nay, cũng như góp phần hạn chế tình trạng thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá mất kết nối với hệ thống giám sát tàu cá.

Phần II

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NGHỊ ĐỊNH SỐ 42/2019/NĐ-CP

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI

1. Công tác chỉ đạo triển khai thực hiện

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2019/NĐ-CP, UBND tỉnh đã có nhiều văn bản chỉ đạo các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố tăng cường chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU, đặc biệt là ngăn chặn tàu cá, ngư dân địa phương vi phạm khai thác hải sản ở vùng biển nước ngoài theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Tỉnh ủy Kiên Giang đã ban hành Nghị quyết số 34-NQ/TU, ngày 13-7-2020 về tăng cường các giải pháp quản lý ngăn chặn, chấm dứt tàu cá và ngư dân trong tỉnh vi phạm vùng biển nước ngoài để khai thác hải sản trái pháp luật; chỉ đạo cho người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền các cấp đề cao trách nhiệm, trực tiếp chỉ đạo thực hiện quyết liệt đồng bộ các giải pháp, chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về chống khai thác IUU về chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định. Xem đây là nhiệm vụ ưu tiên, cấp bách, nhằm quyết tâm tháo gỡ cảnh báo “Thẻ vàng” của EC, phát triển nghề cá bền vững. Cấp ủy, chính quyền các huyện, thành phố ven biển chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện, nhất là để xảy ra thường xuyên tàu cá của địa phương vi phạm vùng biển nước ngoài khai thác hải sản trái phép.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn và nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản

a) Công tác tuyên truyền, phổ biến:

Thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kịp thời và có hiệu quả các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về Luật Thủy sản năm 2017, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 và Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ quy



định về xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực thủy sản và các văn bản qu pháp luật có liên quan của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ ngành Trung ương có liên quan bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú, như: trực tiếp với chủ tàu/thuyền trưởng và những ngư dân làm việc trực tiếp trên tàu cá, cảng cá; cấp phát hàng ngàn tờ rơi, quyển tài liệu về lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản...

b) Công tác bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn và nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản:

- Chỉ đạo các sở, ngành chức năng và các huyện, thành phố ven biển tăng cường Công tác bồi dưỡng, tập huấn, hướng dẫn và nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản cho cán bộ, công chức chuyên ngành. Từ đó đã góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm, ý thức của cán bộ công chức thanh tra chuyên ngành trong quá trình thực thi công vụ nhằm đảm bảo đúng quy trình xử phạt vi phạm hành chính được pháp luật quy định và nâng cao nhận thức cho người dân trong hoạt động khai thác thủy sản.

- Tổ chức hội nghị trực tuyến tập huấn kiến thức pháp luật xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) trong lĩnh vực thủy sản cho 400 đại biểu các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh, các thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về chống khai thác IUU cấp tỉnh và UBND cấp huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

3. Kết quả xử lý vi phạm hành chính

a) Tình hình vi phạm hành chính:

Từ khi Nghị định số 42/2019/NĐ-CP ngày 16/5/2019 của Chính phủ có hiệu lực thi hành, tỉnh đã tập trung cho công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 42/2019/NĐ-CP đến người dân; đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 42/2019/NĐ-CP nên người dân, nhất là ngư dân đã chấp hành khá nghiêm các quy định của pháp luật, vì vậy số vụ vi phạm giảm so với những năm trước đây. Tuy nhiên vẫn còn vi phạm xảy ra nhiều trong lĩnh vực khai thác như: không ghi, ghi không đầy đủ nhật ký khai thác thủy sản; khai thác thủy sản sai vùng, sai nghề; sử dụng kích điện; về thiết bị giám sát hành trình trên tàu cá: tháo thiết bị, không duy trì hoạt động và không thực hiện báo cáo tọa độ và đưa tàu khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài...

b) Kết quả xử lý vi phạm hành chính:

Tổng số vụ vi phạm: 826 và ban hành 826 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; số tiền nộp phạt: 37.736.000.000đ; số tiền đã nộp phạt: 15.228.000.000đ, trong đó:

- UBND tỉnh ban hành 23 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; số tiền nộp phạt: 22.508.000.000 đồng, tịch thu 41 tàu (chưa nộp phạt) và tịch thu được 03 tàu cá:

+ BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt 19 vụ/ 35 tàu, số tiền: 18.180.000.000 đồng.

+ Chi cục Thủy sản tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt 02 vụ/03 tàu với tổng số tiền 2.330.000.000 đồng.

+ Công an tỉnh tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt 02 vụ/03 tàu với số tiền phạt 1.998.000.000 đồng.

- Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh 07/12 tàu quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tổng tiền phạt: 640.000.000 đồng.

- Chỉ cục trưởng Chi cục Thủy sản ban hành 796 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính; số tiền nộp phạt: 14.228.353.000đ.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức thực hiện

- Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định rất đầy đủ đối với các hành vi vi phạm và các mức phạt cụ thể áp dụng cho từng trường hợp vi phạm; tuy nhiên còn có một số hành vi chưa được ban hành cụ thể hoặc chưa rõ như: vi phạm quy định về nhật ký khai thác, nhật ký thu mua thủy sản; vi phạm quy định về đăng ký tàu cá; vi phạm quy định về thời hạn sử dụng giấy phép; quy định về hình thức phạt bổ sung tịch thu thủy sản khai thác, tịch thu tàu cá;... Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đã có góp ý tại Công văn số 1209/UBND-KT ngày 11/8/2021).

- Công tác phối hợp giữa các ngành chức năng trong xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực thủy sản trong từng lúc, từng nơi chưa chặt chẽ, thiếu thống nhất trong xử lý vi phạm...

2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan:

- Các sở, ngành chức năng khi áp dụng Nghị định số 42/2019/NĐ-CP trong xử lý những hành vi vi phạm với mức phạt thấp, nên việc xử lý vi phạm thiếu tính răn đe trong ngăn chặn tình trạng khai thác thủy sản bất hợp pháp kém hiệu quả.

- Công tác kiểm soát tàu cá xuất nhập bến có lúc, có nơi còn sơ hở, chưa chặt chẽ nên việc ngăn chặn xử lý vi phạm không kịp thời.

- Thông tin các tàu cá vi phạm khai thác hải sản trên vùng biển nước ngoài cung cấp chưa đầy đủ, rõ ràng, chính xác hoặc chủ tàu/thuyền trưởng và những người có liên quan không thừa nhận.

b) Nguyên nhân khách quan:

- Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ còn có một số hành vi vi phạm không có quy định như: đối với với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 24 mét trở lên không có quy định không có, không ghi, không nộp, ghi không đúng hoặc ghi không đầy đủ nhật ký khai thác, nhật ký thu mua chuyển tải thủy sản...

- Do ngư trường ngày càng cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, ngư dân hoạt động sản xuất khai thác đánh bắt thua lỗ phải cho tàu cá nằm bờ, do đó vì lợi ích kinh tế trước mắt ngư dân đưa tàu khai thác hải sản trái phép để vi phạm khai thác IUU...

- Ý thức chấp hành pháp luật về thủy sản của người dân chưa cao, đôi khi lợi dụng khe hở của pháp luật, địa hình trên biển rộng, lực lượng chấp pháp mỏng để cố tình vi phạm.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tham mưu đề xuất cho Chính phủ sửa đổi, bổ sung 02 Nghị định: số 26/2019/NĐ-CP và số 42/2019/NĐ-CP.

- Đối với Bộ Ngoại giao, Cơ quan ngoại giao của Việt Nam tại các nước có tàu cá Việt Nam vi phạm cần cung cấp thông tin đầy đủ về tàu cá vi phạm hoặc hồ sơ của tàu cá đã bị nước sở tại đưa ra tòa xét xử, để tỉnh làm căn cứ chỉ đạo các cơ quan chức năng điều tra, xác minh chủ tàu/thuyền trưởng đã vi phạm IUU.

- Đề nghị Bộ Quốc phòng chỉ đạo các lực lượng chức năng trên biển tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát trên các vùng biển, đặc biệt là khu vực vùng biển chồng lấn, chưa được phân định giữa Việt Nam và các nước, để kịp thời ngăn chặn, xử lý hành vi tàu cá của Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài; đồng thời bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc và kịp thời bảo vệ, cứu nạn, cứu hộ ngư dân khi có xảy ra sự cố.

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn công tác chuyên môn cho các cán bộ làm công tác xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực thủy sản, đăng kiểm viên, kiểm ngư viên,...

Trên đây là Báo cáo kết quả 02 năm thực hiện Nghị định số 26/2019/NĐ-CP và Nghị định số 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. *Nhan*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT;
- Tổng cục Thủy sản;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Các sở, ngành TV BCĐ về IUU tỉnh;
- UBND các huyện, TP;
- LĐVP; Phòng: KT, NC;
- Lưu: VT, tvhung.



Nguyễn Thanh Nhàn